

**CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS**

Báo cáo tài chính hợp nhất quý I năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS**

Địa chỉ: Lầu 12 toà nhà Pax sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/03/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<b>TÀI SẢN NGÀNH NHẬN</b>	<b>100</b>		<b>90,072,165,313</b>	<b>84,317,661,725</b>
<b>Tiền và các khoản thanh toán</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>52,834,611,275</b>	<b>43,441,169,702</b>
Tiền	111		36,358,565,388	16,441,169,702
Các khoản thanh toán	112		16,476,045,887	27,000,000,000
<b>Ưu đãi tài chính ngành nhận</b>	<b>120</b>		<b>7,829,751,000</b>	<b>7,829,751,000</b>
Chiếm khoản kinh doanh	121	5.2	7,829,751,000	7,829,751,000
D phòng ghi giảm giá chiếm khoản kinh doanh (*)	122		-	-
Ưu đãi nợ giảm ngày đáo hạn	123		-	-
<b>Các khoản phải thu ngành nhận</b>	<b>130</b>		<b>26,742,260,382</b>	<b>30,550,073,834</b>
Phải thu ngành nhận của khách hàng	131	5.3	44,614,954,599	36,246,980,133
Trả trước cho người bán ngành nhận	132	5.4	2,628,145,661	2,654,945,961
Phải thu nội bộ ngành nhận	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch dự án xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngành nhận	135		690,000,000	-
Phải thu ngành nhận khác	136	5.5	19,420,925,167	32,169,144,931
D phòng phải thu ngành nhận khó đòi (*)	137	5.6	(40,611,765,045)	(40,520,997,190)
Tài sản thiêu hủy	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>40,511,921</b>	<b>40,511,921</b>
Hàng tồn kho	141		40,511,921	40,511,921
D phòng ghi giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>Tài sản ngành nhận khác</b>	<b>150</b>		<b>2,625,030,734</b>	<b>2,456,155,268</b>
Chi phí trả trước ngành nhận	151	5.7a	482,937,104	342,012,496
Thu giá trị gia tăng chưa trừ	152		75,475,974	474,140,133
Thu và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	2,055,506,257	1,640,002,639
Giao dịch mua bán lợi trái phiếu Chính phủ	154		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS**

Địa chỉ: Lầu 12 toà nhà Pax sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị: VND

Tài sản ngắn hạn khác	158		11,111,399	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>20,234,108,649</b>	<b>8,587,481,781</b>
<b>Các khoản phí thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>371,528,160</b>
Phí thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trợ cấp cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh của đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phí thu lãi dài hạn	214		-	-
Phí thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phí thu dài hạn khác	216		-	371,528,160
Dự phòng phí thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1,146,408,396</b>	<b>1,217,124,880</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	1,040,028,384	1,040,536,151
<i>Nguyên giá</i>	222		1,559,975,593	1,314,975,593
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223		(519,947,209)	(274,439,442)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	106,380,013	176,588,729
<i>Nguyên giá</i>	228		1,654,945,638	1,654,945,638
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	229		(1,548,565,626)	(1,478,356,909)
<b>Bất động sản</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>Các khoản ưu đãi tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>18,866,024,083</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS**

Địa chỉ: Tầng 12 toà nhà Pax sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị: VND

Đầu tư vào công ty con	251		18,866,024,083	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư khác vào công ty khác	253		-	-
D phòng ghi m giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư ngắn hạn ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>221,676,170</b>	<b>6,998,828,741</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7b	-	91,917,080
Tài sản thu thuế hoãn lại	262		-	-
Thi t b, v t t , ph t ụng thay th dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
L i th th ng m i	269	5.10	221,676,170	6,906,911,661
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>110,306,273,962</b>	<b>92,905,143,506</b>

NGU N V N	Mã s	Thuy t minh	31/03/2019	01/01/2019
<b>N PH ITR</b>	<b>300</b>		<b>39,398,809,829</b>	<b>22,078,447,245</b>
<b>N ng nh n</b>	<b>310</b>		<b>39,304,319,318</b>	<b>22,078,447,245</b>
Ph i tr ng i bán ng nh n	311	5.11	123,271,650	60,950,030
Ng i mua tr ti n tr c ng nh n	312		15,763,990,084	13,080,120
Thu và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	600,118,541	390,241,777
Ph i tr ng i lao ng	314		496,668,633	378,235,441
Chi phí phải trả ng nh n	315		36,490,569	19,200,000
Ph i tr n i b ng nh n	316		-	-
Ph i tr theo t i n k ho ch h p ng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ng nh n	318		-	-
Ph i tr ng nh n khác	319	5.13	2,438,739,735	1,371,699,771
Vay và n thuê tài chính ng nh n	320	5.14	19,844,781,750	19,844,781,750
D phòng phải trả ng nh n	321		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS**

Địa chỉ: Lầu 12 toà nhà Pax sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Thành, Quận 1, TP.HCM

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị: VND

Quê khen thưởng, phúc lợi	322		258,356	258,356
Quê bình giá	323		-	-
Giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>94,490,512</b>	<b>-</b>
Phí trả nợ bán dài hạn	331		-	-
Ngêi mua trả nợ trê dài hạn	332		-	-
Chi phí phí trả dài hạn	333		-	-
Phí trả dài hạn nêi b v v n kinh doanh	334		-	-
Phí trả nêi b dài hạn	335		-	-
Doanh thu ch a th c hi n dài hạn	336		-	-
Phí trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và n thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển i	339		-	-
C phiếu u u ãi	340		-	-
Thu thu nh p hoãn l i phí trả	341		-	-
D phòng phí trả dài hạn	342		94,490,512	-
Quê phát triển khoa h c và công ngh	343		-	-
<b>NGU N V N CH S H U</b>	<b>400</b>		<b>70,907,464,133</b>	<b>70,826,696,261</b>
<b>V n ch s h u</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>70,907,464,133</b>	<b>70,826,696,261</b>
V n ut c ach s h u	411		92,418,010,000	92,418,010,000
<i>C phiếu ph thông có quy n bi u quy t</i>	<i>411a</i>		<i>92,418,010,000</i>	<i>92,418,010,000</i>
<i>C phiếu u u ãi</i>	<i>411b</i>		-	-
Th ng đ v n c ph n	412		55,260,000	55,260,000
Quy n ch n chuyển i trái phiếu	413		-	-
V n khác c ach s h u	414		-	-
C phiếu qu (*)	415		(1,744,349,375)	(1,744,349,375)
Chênh l ch ánh giá l i tài s n	416		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS**

Địa chỉ: Lầu 12 toà nhà Pax sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Thành, Quận 1, TP.HCM

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tích hợp theo)**

Ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị: VND

Chênh lệch giá trị oái	417	(1,089,085,677)	(1,089,085,677)
Quỹ đầu tư phát triển	418	1,705,559,758	1,705,559,758
Quỹ hỗ trợ sản xuất kinh doanh	419	-	-
Quỹ khác thu của các chủ sở hữu	420	-	-
Lợi nhuận sau thuế chia phân phối	421	(25,408,710,430)	(25,520,173,564)
LNST chia phân phối kỳ trước chưa kiểm tra	421a	(25,739,932,869)	(25,601,695,828)
LNST chia phân phối kỳ này	421b	331,222,439	81,522,264
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	-	-
Lợi ích công không kiểm soát	429	4,970,779,857	5,001,475,120
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	-	-
Nguồn kinh phí	432	-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>110,306,273,962</b>	<b>92,905,143,506</b>

Ngày 15 tháng 04 năm 2019.

<b>NGƯỜI LẬP BIỂU</b>	<b>KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>	<b>CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>
		
<b>Nguyễn Thị Thanh Chi</b>	<b>Nguyễn Thị Thanh Chi</b>	<b>Kakazu Shogo</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS**

Địa chỉ: Lầu 12 toà nhà Pax sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Thành, Quận 1, TP.HCM

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Ngày tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước	Số dư đầu quý này (năm nay)	Số dư đầu quý này (năm trước)
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>6.1</b>	<b>28,690,200</b>	<b>964,769,391</b>	<b>28,690,200</b>	<b>964,769,391</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>6.1</b>	<b>28,690,200</b>	<b>964,769,391</b>	<b>28,690,200</b>	<b>964,769,391</b>
Giá trị hàng bán	11	6.2	16,323,384	1,057,628,595	16,323,384	1,057,628,595
<b>Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>12,366,816</b>	<b>(92,859,204)</b>	<b>12,366,816</b>	<b>(92,859,204)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3,480,451,064	68,964,245	3,480,451,064	68,964,245
Chi phí tài chính	22	6.4	7,935,296	2,980	7,935,296	2,980
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24					
Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS**

Địa chỉ: Lầu 12 toà nhà Pax sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Thành, Quận 1, TP.HCM

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Ngày tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị: VND

Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	3,283,500,476	1,761,347,633	3,283,500,476	1,761,347,633
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>201,382,108</b>	<b>(1,785,245,572)</b>	<b>201,382,108</b>	<b>(1,785,245,572)</b>
Thu nhập khác	31		-	-	-	-
Chi phí khác	32	6.6	4,122,397	1,000,000	4,122,397	1,000,000
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(4,122,397)</b>	<b>(1,000,000)</b>	<b>(4,122,397)</b>	<b>(1,000,000)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>197,259,711</b>	<b>(1,786,245,572)</b>	<b>197,259,711</b>	<b>(1,786,245,572)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>197,259,711</b>	<b>(1,786,245,572)</b>	<b>197,259,711</b>	<b>(1,786,245,572)</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế các công ty liên kết</b>	<b>61</b>		<b>331,222,439</b>	<b>(1,786,245,572)</b>	<b>331,222,439</b>	<b>(1,786,245,572)</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế các công ty không kiểm soát</b>	<b>62</b>		<b>(133,962,728)</b>	<b>-</b>	<b>(133,962,728)</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS**

Địa chỉ: Lầu 12 toà nhà Pax sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Thành, Quận 1, TP.HCM

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Nợ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị: VND

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	22	(198)	22	(198)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	22	(198)	22	(198)

Ngày 15 tháng 04 năm 2019

**NGƯỜI LẬP BIỂU**                      **KẾ TOÁN TRƯỞNG**                      **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
                                              
**Nguyễn Thị Thanh Chi**                      **Nguyễn Thị Thanh Chi**                      **Kakazu Shogo**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS**

Địa chỉ: Tầng 12 tòa nhà Pax sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Thành, Quận 1, TP.HCM

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỐ HỢP NHẤT (Theo phương pháp giá trị)**

Nợ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị: VND

CH TIÊU	Mã số	31/03/2019	31/03/2018
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỐ HỢP NHẤT KINH DOANH</b>			
Lưu chuyển tiền thu	01	715,768,781	-1786245572
- Lưu chuyển cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản	02	52,770,542	8282199
- Các khoản d phòng	03	5,548,035,582	0
- Lãi, chênh lệch giá hối đoái chi phí	04	(1,089,085,677)	0
- Lãi, lợi nhuận	05	1,198,473,360	-68964245
- Chi phí lãi vay	06	-	0
- Các khoản lưu chuyển khác	07	-	-
Lưu chuyển hoạt động kinh doanh trừ đi:			
- Lưu chuyển	08	6,425,962,587	(1,846,927,618)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	7,150,338,572	10526458142
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	1048711
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thu nhập doanh nghiệp phải trả)	11	20,973,978,330	504125849
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(72,349,736)	-390964374
- Tăng, giảm chi phí khoản kinh doanh	13	-	0
- Tiền lãi vay trả	14	-	0
- Thu nhập doanh nghiệp phải trả	15	-	0
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	0
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-11507918986
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>34,477,929,753</b>	<b>(2,714,178,276)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỐ HỢP NHẤT KHÁC</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSC và các TSDH khác	21	(1,050,754,574)	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSC và các TSDH	22	-	42,550,622
Tiền chi cho vay, mua các công cụ tài chính khác	23	(690,000,000)	0
Tiền thu từ cho vay, bán lại công cụ tài chính khác	24	-	11,200,000,000
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào công ty khác	25	(22,950,000,000)	0
Tiền thu từ đầu tư, góp vốn vào công ty khác	26	-	0

**CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS**

Địa chỉ: Lầu 12 toà nhà Pax sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Thành, Quận 1, TP.HCM

<b>BÁO CÁO L U CHUY N TI N T H P NH T (Theo ph ng pháp giá trị p)</b>		Đơn vị: VND	
N m tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 n m 2019			
Tiền thu lãi cho vay, c t c và l i nh n c chia	27	(393,733,607)	
<b>L u chuy n ti n thu n t ho t ng ut</b>	<b>30</b>	<b>(25,084,488,181)</b>	<b>11,157,449,378</b>
<b>L U CHUY N TI N T HO T NG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành CP, nh n v n góp c a ch SH	31	-	-
Tiền chi trả góp cho các ch s h u, mua l i CP c a doanh nghi p ã phát hành	32	-	-
Tiền vay ng n h n, dài h n nh n c	33	-	-
Tiền chi trả n g c vay	34	-	-
Tiền chi trả thuê tài chính	35	-	-
C t c, l i nh n ã tr cho ch s h u	36	-	-
<b>L u chuy n ti n thu n t ho t ng tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>L U CHUY N TI N THU N TRONG N M</b>			
Tiền và t ng ng ti n u n m	50	9,393,441,573	8,443,271,102
nh h ng c a thay it giá h i oái quy i	60	43,441,169,702	21,312,856,140
Tiền và t ng ng ti n cu i n m	61	-	-
	<b>70</b>	<b>52,834,611,274</b>	<b>29,756,127,242</b>

Ngày 15 tháng 04 n m 2019

<b>NGƯỜI LẬP BIỂU</b>	<b>KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>	<b>CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>
		
Nguyễn Thị Thanh Chi	Nguyễn Thị Thanh Chi	Kakazu Shogo



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ngày tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019

**1. CẤU MÔ HÌNH TỔNG CẢ DOANH NGHIỆP****Hình thức hiện tại**

Công ty Cổ phần PGT Holdings hiện thân là Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303527483 ngày ký lần đầu ngày 06 tháng 09 năm 2007, và các ngày ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 10) vào ngày 10 tháng 07 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn đầu tư của Công ty là 92.418.010.000 đồng (Chín mươi hai tỷ bốn trăm triệu tám trăm nghìn đồng).

Mã chi nhánh của Công ty là PGT.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng xe buýt, xe taxi; Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; Dịch vụ bán vé máy bay, tàu lửa, tàu thủy;
- Kinh doanh nhà, môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Dịch vụ kinh doanh xây dựng;
- Dịch vụ cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Dịch vụ mua bán ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại;
- Gia công cơ khí (không hoạt động tái sản xuất);
- Đào tạo dạy nghề, cho thuê văn phòng;
- Dịch vụ vận tải biển, cung ứng tàu biển; Cho thuê kho; Môi giới thương mại;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông; Khai thác cát, sỏi đá xây dựng, đá lát đường, khoáng sản;
- Mua bán gas, dầu nhớt các loại, hàng nông lâm thủy sản nguyên liệu ngành xây dựng - công nghiệp - nông nghiệp, lắp đặt thiết bị điện;
- Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, máy móc - nông cơ có máy móc và phụ tùng linh kiện thay thế, ô tô;
- Bảo dưỡng và sửa chữa xe các loại; Thi công lắp đặt hệ thống tín hiệu giao thông công cộng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn;
- Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm: Giới thiệu việc làm;
- Hoạt động cung cấp tín dụng khác: Dịch vụ cầm cố;
- Hoạt động trung gian tài chính khác: Quỹ tín dụng nhân dân;
- Cho thuê xe ô tô;
- Cung cấp dịch vụ vận chuyển theo hợp đồng không thông qua khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); thiết kế sân khấu và các dịch vụ liên quan;
- Lắp trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác có liên quan đến máy vi tính;
- Dịch vụ tư vấn du lịch.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS**

Địa chỉ: Tầng 12 toà nhà Pax sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Theo)**

Nội dung tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cụ trúc doanh nghiệp**

Công ty có trụ sở tại 32 Nguyễn An Ninh, Phường Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

**Tổng số các công ty con: 03 (ba) công ty**

Trong đó:

Số lượng các công ty con có hợp nhất: 03 (hai) công ty

Số lượng các công ty con không có hợp nhất: 0 (không)

**Danh sách các công ty con quan trọng có hợp nhất**

<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ trụ sở chính</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>
Công ty TNHH MTV Vĩnh Phát	L14,08B, Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%
Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMF)	Số 192, Myanmar Plaza Ground Floor, Kabar Aye Pagoda Road, Bahan Township, Yangon	70,00%	70,00%
Công ty TNHH Xuất Upraise (tên cũ là Công ty TNHH Du Lịch Thiên Nhiên)	Tầng 12, Tòa nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%

---

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tạm theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019

**2. CẤU LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty mẹ và các Công ty con áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp phổ biến ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số nội dung Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp phổ biến ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

**3. NƠI TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỶ ĐANG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là những quan điểm về các chính sách kế toán đã được trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

**4.1. Cấu lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các lưu chuyển tài sản).

**4.2. Cấu trúc hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần PGT Holdings (“Công ty mẹ”) và ba công ty con: Công ty TNHH MTV Vĩnh Phát (“Công ty con”); Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMP) (“Công ty con”) và Công ty TNHH Đầu tư Upraise (tên cũ là Công ty TNHH Đầu tư Thiên Tân) (“Công ty con”). Công ty con là đơn vị chủ sở hữu kiểm soát của Công ty mẹ. Sở hữu kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết thì miễn là nắm giữ hơn 50% số phiếu biểu quyết hay số quyền biểu quyết.

Kế toán hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua hoặc bán lại trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán kho bãi Công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán được áp dụng thường lệ trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trừ khi số dư cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**B N THUY T MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH H P NH T (Ti p theo)**

N m tài chính k t thúc vào ngày 31 tháng 03 n m 2019

S d các tài kho n trên B ng cân i k toán h p nh t gi a các Công ty trong cùng Nhóm Công ty, các giao dch n i b , các kho n lãi n i b ch a th c hi n phát sinh t các giao dch này c lo i tr khi l p Báo cáo tài chính h p nh t. Các kho n l ch a th c hi n phát sinh t các giao dch n i b c ng c lo i b tr khi chí phí t o nên kho n l ó không th thu h i c.

L ích c a c ông thi u s th hi n ph n l i nhu n và tài s n thu n c a Công ty con không n m gi b i các c ông c a Công ty m và c trình bày m c riêng trên Báo cáo k t qu ho t ng kinh doanh h p nh t và B ng cân i k toán h p nh t. L ích c a c ông thi u s bao g m giá tr các l ích c a c ông thi u s t i ngày h p nh t kinh doanh ban u và ph n l i ích c a c ông thi u s trong bi n ng c a v n ch s h u k t ngày h p nh t kinh doanh. Các kho n l t ng ng v i ph n v n c a c ông thi u s v t quá ph n v n c a h trong v n ch s h u c a Công ty con c tính gi m vào ph n l i ích c a Nhóm Công ty tr khi c ông thi u s có ngh a v ràng bu c và có kh n ng bù p kho n l ó.

**4.3. L i th Th ng m i**

L i th th ng m i phát sinh trong vi c mua l i công ty con. L i th th ng m i c xác nh theo giá g c tr i giá tr hao mòn l y k . Giá g c c a l i th th ng m i là kho n chênh l ch gi a chi phí mua và l ích c a T p oàn trong giá tr h p lý thu n c a các tài s n, n ph i tr và n ti m tàng c a n v bi mua. Kho n chênh l ch âm (lãi t giao dch mua giá r ), c ghi nh n ngay vào báo cáo k t qu ho t ng kinh doanh.

L i th th ng m i phát sinh khi mua công ty con c phân b theo ph ng pháp ng th ng trong vòng 10 n m. Giá tr ghi s c a l i th th ng m i phát sinh khi mua công ty con c ghi gi m xu ng b ng giá tr có th thu h i khi T ng Giám c xác nh kho n l i th th ng m i không th thu h i toàn b .

i v i các kho n u t vào công ty liên k t, giá tr ghi s c a l i th th ng m i c g p trong giá tr ghi s c a kho n u t và không c kh u hao.

**4.4. c tính k toán**

Vi c l p và trình bày Báo cáo tài chính h p nh t cho n m tài chính k t thúc vào ngày 31 tháng 12 n m 2018 c a Nhóm Công ty tuân th theo các Chu n m c k toán Vi t Nam, Ch k toán doanh nghi p Vi t Nam, yêu c u Ban T ng Giám c ph i có nh ng c tính và gi nh nh h ng n s li u báo cáo v công n , tài s n và vi c trình bày các kho n công n và tài s n ti m tàng t i ngày k t thúc n m tài chính c ng nh các s li u báo cáo v doanh thu và chi phí trong su t n m tài chính. K t qu ho t ng kinh doanh h p nh t th c t có th khác v i các c tính, gi nh t ra .

**4.5. Ti n và các kho n t ng ng ti n**

Ti n bao g m ti n m t t i qu , các kho n ti n g i ngân hàng (không k h n).

Các kho n t ng ng ti n là các kho n u t ng n h n có th i h n thu h i ho c áo h n không quá 3 tháng có kh n ng chuy n i thành m t l ng ti n xác nh và không có r i ro trong chuy n i thành ti n k t ngày mua kho n u t ó t i th i i m báo cáo .

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Nội dung tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019

**4.6. Các giao dịch ngoi**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các nghiệp vụ khác với nghiệp vụ kế toán của Nhóm công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phí thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nội địa Nhóm công ty chính khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phí trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nội địa Nhóm công ty đối tác giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phí trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nội địa Nhóm công ty thực hiện thanh toán.

Từ ngày kết thúc kế toán, các khoản mục tính có gốc ngoại tệ được ánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế từ ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tính có phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nội địa Nhóm công ty thực hiện xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tính có phân loại là nợ phí trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nội địa Nhóm công ty thực hiện xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do ánh giá lại sử dụng tính có gốc ngoại tệ cụ thể được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lập báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản và công nợ của VN phòng đi dân và Công ty con nước ngoài được chuyển sang nghiệp vụ của báo cáo theo tỷ giá từ ngày kết thúc niên kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đi theo tỷ giá bình quân của năm báo cáo và chi áp dụng tỷ giá từ ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đi báo cáo tài chính của VN phòng đi dân và Công ty con nước ngoài được phản ánh đầy đủ trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty được trình bày chi tiết "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thu nhập vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho công đồng không kiểm soát được trình bày chi tiết "Lợi ích công đồng không kiểm soát".

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan với quy định khi thời điểm ghi nhận chi phí phân bổ thực tế tính toàn bộ cho Công ty và được ghi nhận vào chi tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thu nhập vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi VN phòng đi dân hoặc công ty con nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc thanh lý.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Ngày tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019

**4.7. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác có nội dung phòng ngừa phải thu khó đòi. Thời điểm báo cáo, như:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Phòng ngừa phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bất nhất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh từ việc sử dụng các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Phòng ngừa phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách hàng khó có khả năng thanh toán do bất thanh lý, phá sản hay các khó khăn tài chính (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên những ngày tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

**4.8. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện là giá trị phần giá gốc và giá trị thu nhập có thể thực hiện của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh có của hàng tồn kho sẵn sàng và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thu nhập có thể thực hiện của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán trừ đi các chi phí tính tiêu thụ hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên hạch toán hàng tồn kho với giá trị xác định theo như sau:

- Hàng hóa: Bình quân gia quyền

**4.9. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phân ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp như vận chuyển, lắp đặt, xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh của chi phí lắp đặt và vận chuyển. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình có vận chuyển, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi/lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian được tính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Nội dung tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019

Sở dĩ và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chuẩn mực kế toán, sở dĩ và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 06 năm
- Máy móc, thiết bị	05 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	09 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

**4.10. Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định vô hình được tính vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi/lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ tính toán phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian được tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chuẩn mực kế toán, sở dĩ và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

**Phân bổ máy tính**

Phân bổ máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm phân bổ máy tính vào sử dụng. Phân bổ máy tính được khấu hao trong 03 năm.

**4.11. Các khoản nợ tài chính**

Các khoản nợ tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản nợ chia trả lãi như nhận thu nhập kể cả bên nhận nợ phát sinh sau ngày nợ. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận nợ ngoài lãi như nhận chia được coi là phần thu hồi các khoản nợ và ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản nợ.

Các khoản nợ tài chính thì chi tiết báo cáo, như:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản nợ, đó được coi là "tạm ứng ngắn hạn";
- (ii) Có thời hạn thu hồi ngắn hạn từ 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi ngắn hạn từ 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản nợ tài chính dài hạn).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Ngày tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019

**Các khoản nợ ngắn hạn ngày báo cáo**

Các khoản nợ ngắn hạn ngày báo cáo bao gồm các khoản nợ mà Công ty có ý định và khả năng sẽ thanh toán trong kỳ báo cáo. Các khoản nợ ngắn hạn bao gồm: các khoản tín dụng ngân hàng có kỳ hạn và các khoản vay khác.

Các khoản nợ ngắn hạn ngày báo cáo ghi nhận dựa trên giá trị mua và các xác nhận giá trị bán dựa theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản nợ. Thu nhập lãi từ các khoản nợ ngắn hạn ngày báo cáo sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi chi hàng trả nợ khi Công ty nhận được ghi giảm trừ vào giá gốc khi mua.

Các khoản nợ ngắn hạn ngày báo cáo được xác nhận theo giá trị đối phòng phải thu khó đòi.

Đối phòng phải thu khó đòi của các khoản nợ ngắn hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**4.12. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ nợ, giá trị của các tài sản không có tiêu chuẩn là TSC, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.13. Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Nhóm Công ty và các khoản nợ phải trả khác và các chi tiết cho từng đối tượng nợ phải trả. Thời điểm báo cáo, như sau:

- Khoản nợ phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (học trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản nợ phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (học nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

**4.14. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được ghi nhận vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá trị cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí có phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch giữa trích, kế toán tài chính hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí thực tế chênh lệch.

---

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019

**4.15. Vốn chủ sở hữu**

**Vnóng góp của chủ sở hữu**

Vnóng góp của chủ sở hữu: ghi nhận theo số thực thu từ các công ty.

**Các quy**

Các quy được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các công ty sau khi đã trích lập các quy theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

Vị trí phân phối lợi nhuận cho các công ty được cân nhắc trên các khoản mục phi tài trợ trong lợi nhuận sau thuế chia phân phối có thể như hình thức lợi nhuận và khoản chi trả nợ thuế lãi do đánh giá lợi tài sản mang lại góp vốn, lãi do đánh giá lợi các khoản mục tài trợ, các công cụ tài trợ và các khoản mục phi tài trợ khác.

Các công ty ghi nhận là nhận lợi nhuận khi Hội đồng quản trị phê duyệt.

**4.16. Doanh thu**

Doanh thu ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác nhận một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và khách hàng chấp nhận.
- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tài trợ, lãi tài trợ cho vay, lãi chênh lệch giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tài trợ, lãi tài trợ vay được xác nhận trên cơ sở dồn tích, được xác nhận trên số dư các khoản tài trợ và lãi suất áp dụng.

**4.17. Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản chênh lệch giá đã thực hiện, lợi ích tài trợ do đánh giá lại các khoản mục tài trợ có giá trị giảm, dự phòng từ tài trợ dài hạn.

Khoản chi phí tài trợ ghi nhận chi phí cho tổng nội dung chi phí thực phát sinh trong kỳ và được xác nhận một cách đáng tin cậy khi có bằng chứng về các khoản chi phí này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Ngày tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019

**4.18. Thu****Thu Giá trị gia tăng (GTGT):**

Thu suất thu GTGT áp dụng cho các dịch vụ của Nhóm Công ty là 10%.

**Thu Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

Nhóm Công ty áp dụng mức thu suất thu TNDN là 20%.

Chi phí thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nêu có, bao gồm thu nhập từ hoạt động kinh doanh và thu nhập từ hoạt động tài chính.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh là khoản thu tính dựa trên thu nhập chủ yếu trong năm và thu nhập từ áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chủ yếu chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch từ mặt giá kế toán thu và kế toán tài chính công nhận điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải thu hay không được khấu trừ.

Thu nhập từ hoạt động tài chính là khoản thu nhập doanh nghiệp sản phẩm nội bộ công nhận hoàn toàn do chênh lệch từ mặt giá trị ghi sổ của tài sản và nghĩa vụ cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thu nhập từ hoạt động tài chính phải ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch từ mặt giá trị chủ yếu. Tài sản thu nhập từ hoạt động tài chính ghi nhận khi chuyển trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế sản phẩm chênh lệch từ mặt giá trị khấu trừ này.

**Các loại thuế khác:** Theo quy định hiện hành của Việt Nam.

**4.19. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền, các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công cụ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công cụ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp liên quan đến việc phát hành công cụ tài chính đó. Công cụ tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả ngắn hạn, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hình thức của có quyền đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Ngày tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019

**4.20. Các bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thể hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mẫu số (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chủ sở hữu kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể với Nhóm Công ty, nhà quản lý có trách nhiệm lý chấp hành Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, nhà quản lý thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc nhà quản lý công ty liên kết với các cá nhân này cũng có thể là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của tập thể bên liên quan, bên chủ tài khoản quan hệ được chú ý đặc biệt không phải là hình thức pháp lý.

**4.21. Lãi cấn trên cphiu**

Lãi cấn trên cphiu là với các cphiu thông thường tính bằng cách chia lãi như nhau cho tất cả chủ cổ đông sở hữu cphiu thông thường và lãi bình quân gia quyền cho cphiu thông thường lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cphiu được xác định bằng việc trừ chi phí như nhau cho tất cả chủ cổ đông sở hữu cphiu thông thường và lãi bình quân gia quyền cho cphiu thông thường đang lưu hành do ảnh hưởng của các cphiu thông thường có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chuyển đổi cphiu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS**

Địa chỉ: Lầu 12 toà nhà Pax sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Thành, Quận 1, TP.HCM

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Nội dung tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****5.1 Tài sản và các khoản nợ ngắn hạn**

	<b>31/03/2019</b>	<b>31/03/2018</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Tài sản	29.479.659.681	14.662.893.487
Tài sản ngân hàng	12.854.951.594	793.233.755
Các khoản nợ ngắn hạn (i)	10.500.000.000	15,300,000,000
<b>Cộng</b>	<b>52.834.611.275</b>	<b>30.756.127.242</b>

**5.2 Phí thu nợ ngắn hạn của khách hàng**

	<b>31/03/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
<b>Phí thu khách hàng là bên thứ ba</b>	<b>36.246.980.133</b>	<b>36.246.980.133</b>
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hiệp Hưng Tâm	27.855.320.000	27.855.320.000
- Doanh nghiệp tư nhân Gara Sạch Ô tô Khánh Ngọc	5.207.287.675	5.207.287.675
- Công ty TNHH Hoàng Thịnh	1.194.873.000	1.194.873.000
- Công ty TNHH XD SX TM Lê Hoàn	561.919.900	561.919.900
- Công ty Cổ phần Tân Tân	297.747.182	297.747.182
- Công ty Cổ phần KTCU Thép Thành Long Vineco	208.963.377	208.963.377
- Nguyễn Văn Thủy	137.870.393	137.870.393
- Cty CP XL Và Thi Công Công Giây Tây Ô	130.200.000	130.200.000
- Các khách hàng khác	8.980.281.072	652.798.606
<b>Cộng</b>	<b>44.574.462.599</b>	<b>36.246.980.133</b>

**5.3 Trữ trữ cho nợ ngắn hạn**

	<b>31/03/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
- Global Mobility Service Inc (i)	1.892.916.000	1.892.916.000
- Công ty TNHH Hoa Lâm Japan (ii)	535.920.000	535.920.000
- Các nhà cung cấp khác	199.309.661	226.109.961
<b>Cộng</b>	<b>2.628.145.661</b>	<b>2.654.945.961</b>

**5.4 Phí thu khác****a. Phí thu nợ ngắn hạn khác**

	<b>S  u n m</b>		<b>S  u n m</b>	
	<b>Giá g c</b>	<b>D  phòng</b>	<b>Giá g c</b>	<b>D  phòng</b>
T  m  ng		-		-
Ký c  c, ký qu		-	1,466,070,616	-
BHXH phí thu		-	296,404,908	-
<b>Phí thu khác</b>	<b>14,939,800</b>	-	<b>2,663,761</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS**

Địa chỉ: Lầu 12 toà nhà Pax sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Thành, Quận 1, TP.HCM

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Ngày tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019

	<b>19,405,985,368</b>	<b>3,991,164,303</b>	<b>30,404,005,646</b>	<b>3,991,164,303</b>
Công ty Cổ phần Việt Nam Manpower Supply (i)		-	11,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Tín và Tín Toki (ii)	8,940,500,000	-	8,940,500,000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Freeway (iii)	4,390,000,000	-	4,390,000,000	-
Công ty Cổ phần Hiệp Thành An (iv)	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000
Công ty Cổ phần Vinaterrace Hotels Nguyễn Hoàng Giang	2,017,890,520	-	2,017,890,520	-
Các chi nhánh khác	264,178,662	264,178,662	264,178,662	264,178,662
	793,416,186	726,985,641	791,436,464	726,985,641
<b>Cộng</b>	<b>19,420,925,168</b>	<b>3,991,164,303</b>	<b>32,169,144,931</b>	<b>3,991,164,303</b>

**b. Phải thu dài hạn khác**

	31/03/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	D phòng	Giá trị	D phòng
- Công ty TNHH Wacontre	-	-	-	-
- Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn (i)	371.528.160	-	371.528.160	-
<b>Cộng</b>	<b>371.528.160</b>	<b>-</b>	<b>371.528.160</b>	<b>-</b>

(i) Là khoản tín dụng thuê văn phòng theo Hợp đồng cho thuê số 03/2018/HDTVP/P11/HBH-HOLDINGS ngày 03/02/2018 với Công ty Cổ phần Nhà Hòa Bình. Thời gian thuê từ ngày 03/02/2018 đến hết ngày 02/02/2020.

**5.5 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị văn phòng	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Sở hữu nhân	145,592,965		1,169,382,628	1,314,975,593
Hợp nhất công ty con	-	245,000,000		245,000,000
Thanh lý công ty con	-		-	-
<b>Sở hữu nhân</b>	<b>145,592,965</b>	<b>245,000,000</b>	<b>1,169,382,628</b>	<b>1,559,975,593</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Sở hữu nhân				



**CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS**

Địa chỉ: Lầu 12 toà nhà Pax sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Ngày tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019

Chi phí trong năm	145,592,965		128,846,476	274,439,441
Thanh lý công ty con	-		507,768	507,768
<b>Số dư đầu năm</b>	<u>-</u>	<u>245,000,000</u>	<u>-</u>	<u>245,000,000</u>
	<b>145,592,965</b>	<b>245,000,000</b>	<b>129,354,244</b>	<b>519,947,209</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Ngày đầu năm	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1,040,536,152</u>	<u>1,040,536,152</u>
<b>Ngày cuối năm</b>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1,040,028,384</u>	<u>1,040,028,384</u>

**5.6 Tài sản cố định vô hình**

	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Tài sản cố định vô hình khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	43,000,000		43,000,000
Hợp nhất công ty con	-	1,611,945,638	1,611,945,638
<b>Số dư đầu năm</b>	<u>43,000,000</u>	<u>1,611,945,638</u>	<u>1,654,945,638</u>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	43,000,000	-	43,000,000
Hợp nhất công ty con	-	1,213,123,372	1,213,123,372
Chi phí trong năm	-	292,442,254	292,442,254
<b>Số dư đầu năm</b>	<u>43,000,000</u>	<u>1,505,565,625</u>	<u>1,548,565,625</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Ngày đầu năm	<u>-</u>	<u>176,588,729</u>	<u>176,588,729</u>
<b>Ngày cuối năm</b>	<u>-</u>	<u>106,380,013</u>	<u>106,380,013</u>

**5.7 Phi trả ngắn hạn**

	<u>31/03/2019 (VND)</u>		<u>01/01/2019 (VND)</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có nghĩa vụ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có nghĩa vụ</u>
- Các nhà cung cấp khác	123,271.650	123,271.650	60.950.030	60.950.030
<b>Cộng</b>	<u>123.271.650</u>	<u>123.271.650</u>	<u>60.950.030</u>	<u>60.950.030</u>

**5.8 Thu và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>31/03/2019 (VND)</u>	<u>01/01/2019 (VND)</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS**

Địa chỉ: Lầu 12 toà nhà Pax sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Ngày tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019

	Số có khả năng thanh toán		Số có khả năng thanh toán	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
- Thu giá trị gia tăng	-	-	228.727.890	228.727.890
- Thu thuế nhập khẩu	390.241.777	390.241.777	371.375.249	371.375.249
<b>Cộng</b>	<b>390.241.777</b>	<b>390.241.777</b>	<b>600.103.139</b>	<b>600.103.139</b>

Quy tắc toán thuế của Công ty sử dụng kiểm tra các quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế về ưu đãi ưu đãi giao dịch khác nhau có thể có sự khác biệt theo ưu đãi khác nhau, số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quy định của các quan thuế.

**5.9 Phí trả khác****Phí trả khác ngắn hạn**

	Số có khả năng thanh toán		Số có khả năng thanh toán	
	Giá gốc	Số có khả năng thanh toán	Giá gốc	Số có khả năng thanh toán
Kinh phí công đoàn	1.407.196	1,407,196	7,301,600	7,301,600
Bồi hiểm xã hội phí nhập	12,806,398	12,806,398	-	-
Nhận ký quỹ, lý công nhân	649,761,189	649,761,189	23,596,235	-
Phí trả khác	1,774,764,952	1,774,764,952	1,340,801,936	1,340,801,936
<i>Cộng</i>	<i>635,554,070</i>	<i>635,554,070</i>	<i>635,554,070</i>	<i>635,554,070</i>
Thù lao Hội đồng quản trị	672,029,600	672,029,600	672,029,600	672,029,600
Các khoản phí trả khác	467,181,282	467,181,282	33,218,266	33,218,266
<b>Cộng</b>	<b>2,438,739,735</b>	<b>2,438,739,735</b>	<b>1,371,699,771</b>	<b>1,348,103,536</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS**

Địa chỉ: Lầu 12 toà nhà Pax sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Thành, Quận 1, TP.HCM

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019

**5.10 Vnchshu****Cphiu**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	9.241.801	9.241.801
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.241.801	9.241.801
- Cổ phiếu phổ thông	9.241.801	9.241.801
Số lượng cổ phiếu mua lại (cổ phiếu quỹ)	(384.196)	(384.196)
- Cổ phiếu phổ thông	(384.196)	(384.196)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.857.605	8.857.605
- Cổ phiếu phổ thông	8.857.605	8.857.605

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**Các giao dịch với NVIC các chi nhánh và phân phối, chia lợi nhuận**

	<b>N m 2019</b>	<b>N m 2018</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
<b>Vnutchshu</b>		
Vn góp vốn m	92.418.010.000	92.418.010.000
Vn góp tng trong nm	-	-
Vn góp gi m trong nm	-	-
Vn góp củi nm	92.418.010.000	92.418.010.000
<b>Ctclinhunãchia</b>	-	-

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THỰC NHẤT****6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>N m nay</b>	<b>N m tr c</b>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>28,690,200</b>	<b>964,769,391</b>
Doanh thu cung cấp dịch vụ lưu trú khách sạn	-	964,769,391
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	28,690,200	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Hàng bán trả lại	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>28,690,200</b>	<b>964,769,391</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS**

Địa chỉ: Lầu 12 toà nhà Pax sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Thành, Quận 1, TP.HCM

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Ngày tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019

**6.2. Giá trị hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị dịch vụ lưu trú khách sạn		1,057,628,595
Giá trị dịch vụ khác	16,323,384	
<b>Cộng</b>	<b><u>16,323,384</u></b>	<b><u>1,057,628,595</u></b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tín dụng ngân hàng	229.799.690	68,964,245
Lãi cho vay	610,142,646	
Lãi thanh lý kho nợ	2.246.775.121	-
Lãi chênh lệch tỷ giá		-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	393,733,607	
<b>Cộng</b>	<b><u>3,480,451,064</u></b>	<b><u>68,964,245</u></b>

**6.4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí tài chính	7,935,296	2,980
<b>Cộng</b>	<b><u>7,935,296</u></b>	<b><u>2,980</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS**

Địa chỉ: Lầu 12 toà nhà Pax sky 144-146-148 Lê Lai, Phường Thành, Quận 1, TP.HCM

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Ngày tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019

**6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>N m 2019</b> <b>(VND)</b>	<b>N m 2018</b> <b>(VND)</b>
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.283.500.476	1.761.347.633
<b>Cộng</b>	<b>3.283.500.476</b>	<b>1.761.347.633</b>

**6.6. Chi phí khác**

	<b>N m 2019</b> <b>(VND)</b>	<b>N m 2018</b> <b>(VND)</b>
- Chi phí khác	4.122.397	1.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.122.397</b>	<b>1.000.000</b>

Số lượng chi phí thông thường lưu hành bình quân trong năm tính như sau:

	<b>N m 2019</b> <b>(VND)</b>	<b>N m 2018</b> <b>(VND)</b>
C chi phí thông thường lưu hành đầu năm	8.857.605	9.240.705
nhập các chi phí thông mua lại (chi phí quản lý)	-	(224.220)
nhập các chi phí thông phát hành	-	-
C chi phí thông thường lưu hành bình quân trong năm	<b>8.857.605</b>	<b>9.016.485</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Nội dung tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019

**7 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thanh toán, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Giám đốc chịu trách nhiệm chung về việc thi hành và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Giám đốc thi hành các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thi hành các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét liên tục nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Giám đốc xem xét và thực hiện áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**(i) Rủi ro thanh toán**

Rủi ro thanh toán là rủi ro mà giá trị hợp lý của các lưu lượng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thanh toán có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng, rủi ro biến giá hàng hóa và rủi ro biến giá khác.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các lưu lượng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thanh toán do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tín dụng, các khoản tín dụng ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vận dụng trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**(ii) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tín dụng ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

***Phí thu khách hàng***

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phí thu khách hàng chưa thu. Về việc các khách hàng liên, Công ty xem xét suy giảm trong chi phí tín dụng của tất cả các khách hàng từ ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phí thu từ tín dụng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sử dụng phòng giám giá trị phản ánh mức độ thiệt hại tính về việc phí thu khách hàng, phí thu khác và các khoản nợ. Thành phần chính của khoản dự phòng giám giá trị này là khoản liên kết có liên quan đến mức độ thiệt hại thực tế về việc tín dụng khách hàng.

***Tín dụng ngân hàng***

**CÔNG TY C P H N PGT HOLDINGS**

Địa chỉ: L u 12 toà nhà Pax sky 144-146-148 Lê Lai, P.B n Thành, qu n 1 , TP.HCM

**B N THUY T MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH H P NH T (Ti p theo)**

N m tài chính k t thúc vào ngày 31 tháng 03 n m 2019

Công ty ch y u duy trì s d t i n g i t i các ngân hàng c nhi u ng i bi t n t i Vi t Nam. R i ro tín d ng c a s d t i n g i t i các ngân hàng c qu n lý b i b ph n ngân qu c a Công ty theo chính sách c a Công ty. R i ro tín d ng t i a c a Công ty i v i các kho n m c trên b n cân i k toán t i ngày k t thúc n m tài chính là giá tr ghi s nh trình bày trong Thuy t minh s 5.1. Công ty nh n th y m c t p trung r i ro tín d ng i v i kho n t i n g i ngân hàng là th p.

**(iii) R i ro thanh kho n**

R i ro thanh kho n là r i ro mà Công ty s g p khó kh n khi th c hi n các ngh a v tài chính do thi u v n. R i ro thanh kho n c a Công ty ch y u phát sinh t v i c các tài s n tài chính và n ph i tr tài chính có th i i m áo h n khác bi t nhau.

Công ty gi m thi u r i ro thanh kho n b ng cách duy trì m t l i ng t i n m t và các kho n t ng ng t i n và các kh o n vay ngân hàng m c mà Giám c cho r ng áp ng cho các ho t ng c a Công ty và gi m thi u r i ro do nh ng bi n ng c a lu ng t i n.

**8.1. Thông tin so sánh**

S li u dùng so sánh là s li u trên Báo cáo tài chính h p nh t cho n m tài chính k t thúc vào ngày 31 tháng 12 n m 2017 c a Công ty ã c ki m toán.

**8.2. Tính ho t ng liên t c c a Công ty**

Không có b t k s ki n nào gây ra s nghi ng l n v kh n ng ho t ng liên t c và Công ty không có ý nh c ng nh bu c ph i ng ng ho t ng, ho c thu h p áng k quy mô ho t ng c a mình.

Ngày 15 tháng 04 n m 2019

